

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

TOÁN

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

(Dạy 3 tiết)

A. **Mục tiêu:** Củng cố cho học sinh về phép cộng, phép trừ.

HS hiểu và làm đ- ọc bài tập.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

a. Kiến thức cần ghi nhớ

Nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính?

Nêu cách tìm thành phần ch- a biết? (Số hạng, số bị trừ, số trừ)

(- Muốn tìm số hạng ch- a biết ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.)

b. HS làm bài tập

Bài 1: Tính nhanh:

a, $26 + 17 + 23 + 14$

b, $46 + 82 + 18 + 54$

c, $37 - 5 + 37 - 7$

- GV khái quát

Bài 2: Tìm x

a, $x + 36 = 72$

b, $x - 45 = 37$

c, $x + 32 = 18 + 45$

d, $76 - x = 28$

- GV yêu cầu HS nêu thành phần ch- a biết trong phép tính là gì? nêu cách tìm?

Bài 3: Điền dấu $> < =$ thích hợp vào chỗ chấm

a, $25 + 36 \dots 17 + 48$

b, $74 - 36 \dots 83 - 37$

c, $56 - 19 \dots 18 + 19$

Bài 4: (Dành cho HSKG)

Tìm một số biết số đó cộng với 45 thì bằng 62

Tiết 2

Bài 5: Điền dấu $> < =$ thích hợp vào chỗ chấm

a, $x + 32 \dots 41 + x$

b, $56 - y \dots 45 - y$

c, $x - 26 \dots x - 21$

Bài 6: (Dành cho HSKG)

- HS nêu cách làm.

- 2 HS trả lời miệng.

- Lớp nhận xét.

- HS nêu thành phần ch- a biết trong phép tính.

- HS làm ra nháp.

- HS làm vào vở.

- GV hướng dẫn HS đ- a về dạng tìm thành phần ch- a biết.

Tìm một số biết số đó trừ đi 26 thì bằng 38

Bài 7: Đúng ghi Đ sai ghi S

$25 + 48 = 73$ ☐

$76 - 29 = 57$ ☐

$57 - 28 = 29$ ☐

- HS lên bảng.

- GV hướng dẫn HS đưa về dạng tìm thành phần chưa biết.

Tiết 3

Bài 8: Điền số thích hợp vào ô trống:

a/ + 35 = 89 $40 + \text{ } = \text{ } 89$ $86 = \text{ } + 0$

b/ $45 - \text{ } = 28$ $100 - \text{ } = 39$ $\text{ } - \text{ } = 72$

- Yêu cầu HS làm bài ra nháp rồi lên bảng:

Bài 9 : Tìm x

a/ $x - 21 = 33 - 21$

b/ $78 - x = 42 + 24$

c/ $x + 25 = 100 - 25$

d/ $89 - x = 28$

- Yêu cầu HS làm bài theo nhóm rồi đại diện lên bảng:

Bài 10:

- Yêu cầu HS làm vào vở. Viết thêm 2 số vào dãy số sau: a/ 9; 12; 15; 18; ...; ... b/ 4; 8; 16; ...; ... c/ 100; 200; 300; 400; ...; ... d/ 110; 120; 130; 140; ...; ...	HS làm vào vở. ..., 21, 24. ..., 32, 64. ..., 500, 600. ..., 150, 160.
--	---

III. **Củng cố:** Khái quát nội dung bài

IV- **Dẫn dắt:** Về nhà làm BT 11 (Phần C, D dành cho HSKG)

Tìm x :

A, $x + 12 = 46$

C, $x + 26 = 12 + 17$

B, $42 + x = 87$

D, $34 + x = 86 - 21$

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Tiếng Việt

Tiết 1: LUYỆN CHÍNH TẢ

A. **Mục tiêu:** Củng cố cho HS cách viết một bài thơ

HS điền BT đúng BT chính tả.

Rèn chữ viết cho HS

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ

II. Bài mới:

a. Kiến thức cần ghi nhớ

Nêu cách viết một bài thơ? (Câu đầu dòng viết hoa)

GV hướng dẫn HS viết.

b. HS làm bài tập

Bài 1: Học sinh viết bài: Ngày hôm qua đâu rồi.

- GV đọc cho HS theo dõi

+ Em cần làm gì để không phí thời gian?

- GV đọc cho HS viết bài. Chú ý nhắc HS viết đúng chữ hoa, đúng CT

Bài 2: (HS làm bài vào vở)

Em hãy chọn chữ trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống :

- | | | |
|--------------------|----------------|---------------|
| - (sông, xông) | - ...Hồng | -xáo |
| - (sa, xa) | -sút | - đ- ờng |
| - (s- ơng, x- ơng) | - cây.....rồng | -Sớm |

III. Củng cố: Nhận xét giờ.

IV. Dặn dò: Về nhà luyện viết.

Tiếng Việt

Tiết 2: ÔN TỪ CHỈ HOẠT ĐỘNG, TRẠNG THÁI

A. Mục tiêu:- Củng cố cho HS về từ chỉ hoạt động, trạng thái.

- HS tìm đ- ọc từ chỉ hoạt động và đặt câu với những từ chỉ hoạt động, trạng thái.
- Rèn chữ viết cho HS.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

a. Kiến thức cần ghi nhớ

+ Hãy kể những từ chỉ hoạt động?

+ Kể những từ chỉ trạng thái?

Bài 1 - Yêu cầu HS đọc bài, nêu yêu cầu.

- Gọi từng HS lên bảng tìm từ.

Gạch d- ới từ chỉ hoạt động trong đoạn văn sau:

Con ong xanh biếc to bằng quả ớt nhỏ **l- ọt** nhanh những cặp chân dài và mảnh trên nền đất. Nó **dùng** lại **ng- ọc** đầu lên mình **nhún nhảy** rung rinh **giơ** hai chân tr- ớc **vuốt** râu rồi lại **bay** lên **đâu** xuống thoăn thoắt **rà khắp** mảnh v- ườn. Nó **đi dọc** **đi ngang** **sục sạo** **tìm kiếm**.

Bài 2 Đặt câu hỏi cho bộ phận câu đ- ọc in đậm.

- Chú mèo m- ập đang** vờn chuột ngoài sân.
- Chúng em **cấp sách** tới tr- ờng.

c. **Đám học trò** hoảng sợ bỏ chạy.

- Yêu cầu HS nêu yêu cầu.
- HS trả lời miệng.

Bài 3 Gạch một gạch d- ới bộ phận câu TLCH Ai?(con gì?) hai gạch d- ới bộ phận TLCH làm gì?

- Trên cành cây, mấy chú chim đang trò chuyện ríu rít.
- Mấy chú cá rô cứ lội quanh quẩn d- ới giàn m- ớp.
- Hai dì cháu tôi đi hái rau khúc.

- Yêu cầu HS nêu yêu cầu.
- HS làm bài vào vở.

III. Củng cố: Khái quát- nhận xét giờ.

IV- Dặn dò: Về nhà đặt 3 câu có từ chỉ hoạt động, trạng thái.

Tiếng Việt

Tiết 3: TẬP LÀM VĂN: KỂ VỀ NG- ỜI THÂN

A. Mục tiêu: Củng cố cho học sinh về cách kể về ng- ời thân.

HS hiểu và làm đ- ọc bài tập.

B. Bài mới:

I. **Kiểm tra:** Hãy kể tên những ng- ời thân trong gia đình em.

II. **Bài mới:**

- Giới thiệu – ghi bài
- Dạy bài mới

Đề bài: *Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) kể về ông, bà (hoặc thân) của em trong gia đình.*

- 2 hs đọc đề bài

Hỏi: - Bài yêu cầu gì?

- Gia đình em có mấy ng- ời, ? em yêu quý ai nhất?
- Ông, bà (hoặc ng- ời thân) em hiện đang làm gì, ở đâu?
- Ng- ời thân trong gia đình thể hiện tình cảm yêu th- ơng, gắn bó với em ra sao?
- Tình cảm của em với ng- ời đó nh- thế nào? Em làm gì để làm vui lòng ng- ời thân yêu của em.

Gọi hs nêu miệng – GV nhận xét sửa chữa, bổ sung kiến thức cho các em.

- HS viết bài vào vở.

III. **Củng cố:** Khi viết đoạn văn cần chú ý gì?

IV. **Dặn dò:** Về nhà hoàn chỉnh đoạn văn.

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Toán

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

(Dạy 3 tiết)

A. **Mục tiêu:** Củng cố cho học sinh về phép cộng, phép trừ.

HS hiểu và làm đ- ợc bài tập.

B. **Các hoạt động dạy học**

I. **Kiểm tra:** Kết hợp trong giờ.

II. **Bài mới:**

a. **Kiến thức cần ghi nhớ**

Nêu cách tìm thành phần ch- a biết trong phép cộng và phép trừ?

(- Muốn tìm số hạng ch- a biết ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

b. **HS làm bài tập**

- Yêu cầu HS làm vào vở.

HS làm vào vở.

Tiết 1

Bài 1: Gọi HS lên bảng

Điền số thích hợp vào ô trống:

HS lên bảng

a/ $\square + 15 = 15 + 1$

b/ $18 < \square + 16 < 20$

c/ $10 < \square < \square 13$

Bài 2: Phần b dành cho HSG

Tính nhanh:

a. $11+28+24+16+12+9$

-HS giải thích vì sao điền nh- vậy.

a. $11+28+24+16+12+9$

$= (11+9) + (28+12) + (24+16)$

$= 20 + 40 + 40 = 100$

b. $75-13-17+25 = (75+25) - (13+17)$

$= 100 - 30 = 70$

b. $75-13-17+25$

Bài 3: Một bến xe có 25 ô tô rời bến, nh- vậy còn lại 12 ô tô ch- a rời bến. Hỏi lúc đầu có bao nhiêu ô tô trên bến xe đó.

- Yêu cầu HS đọc bài. Phân tích.

- HS làm bài vào vở.

Lúc đầu có số ô tô trên bến xe đó là:

$25 + 12 = 37$ (xe)

Đáp số: 37 xe

Tiết 2:

Bài 4: Điền số thích hợp vào ô trống:

a/ $\square + 72 = 97$

$70 + \square = 96$

$230 = \square + 0$

$\square$

$\square$

$\square$

b/ $85 - \quad = 46$ $213 - \quad = 42$ $\quad - 89 = 72$

Bài 5 : Tìm x

a/ $x - 45 = 56$ b/ $123 - x = 22 + 89$

c/ $x + 25 = 100 - 37$ d/ $67 - x = 24$

e/ $18 : x = 9$ g/ $3 \times x = 27$

Bài 6: Thùng thứ nhất đựng 436 lít dầu, thùng thứ hai đựng nhiều hơn thùng thứ nhất 47 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai đựng bao nhiêu lít dầu?

Tiết 3

Bài 7: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

392; 394; 396;...;...;...; 404

155; 150; 145;...; 135; ...;...

520; 540; 560;...;...;...; 640.

Bài 8: Đặt tính rồi tính:

a/ $68 + 62$ $57 + 39$

$73 - 26$ $64 - 48$

b/ $543 + 376$ $5 + 865$

$678 - 622$ $497 - 34$

Bài 9: Gói kẹo chanh và gói kẹo dứa có tất cả 235 cái kẹo. Riêng gói kẹo chanh có 120 cái.

Hỏi:

a. Gói kẹo dứa có bao nhiêu cái kẹo?

b. Phải bớt đi ở gói kẹo chanh bao nhiêu cái kẹo để số kẹo ở hai gói bằng nhau?

III. **Củng cố:** Khái quát nội dung bài

IV- **Dẫn dò:**

- Về nhà làm BT 10 : >; <; =

$2 \times 5 \dots 5 \times 2$ $40 \times 2 \dots 80 : 2$

$20 \times 4 \dots 79$ $30 \times 2 \dots 20 \times 4$

$60 : 3 \dots 3 \times 7$ $4 \times 10 \dots 5 \times 9$

- Về nhà làm BT 8: Viết số thích hợp vào ô trống:

Số hạng	362	509		34
Số hạng	425		400	634
Tổng		999	1000	

- HS đọc bài – phân tích
 - HS làm bài vào vở
- Thùng thứ hai đựng số lít dầu là:
 $436 + 47 = 483$ (l)
 Đáp số: 483 (l)

- HS nêu quy luật của dãy số.
- Điền số cần tìm.
- HS làm vào bảng con.
- Nhận xét bài bạn.

- HS đọc bài, phân tích.
- HS làm bài vào vở.

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Tiếng việt

Tiết 1: KIỂM TRA
(Đề và đáp án của tr- ờng)

Tiếng Việt

Tiết 2: ÔN TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM

A. Mục tiêu

- HS xác định đ- ọc từ chỉ đặc điểm trong câu văn, đoạn văn.
- Phân biệt từ chỉ đặc điểm về hình dáng với tính nết, phẩm chất.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ

II. Bài mới:

a. Kiến thức cần ghi nhớ

- + Hãy kể những từ chỉ đặc điểm?

b. Bài tập vận dụng

Bài 1 -Yêu cầu HS đọc bài, nêu yêu cầu.

- Gọi từng HS lên bảng tìm từ.

Gạch d- ới từ chỉ đặc điểm trong các câu sau:

- Cuộc sống của Bác Hồ rất giản dị.
- Bữa cơm của Bác đam bac nh- bữa cơm của mọi ng- ời dân.
- Loài hoa huệ có màu trắng tinh khiết.

Bài 2: Tìm trong các từ sau: hồng hào, bạc phơ, sáng ngời, sáng suốt, ấm áp, tài ba, xếp các từ đó vào dòng thích hợp :

- Từ chỉ đặc điểm hình dáng:.....
- Từ chỉ đặc điểm tính nết, phẩm chất:.....

+ Yêu cầu HS đọc bài, nêu yêu cầu

+ Cho HS làm bài vào vở. HS lên bảng chữa bài

Bài 3: Điền từ chỉ tình cảm thích hợp vào chỗ trống trong mỗi câu sau:

- Các cháu thiếu nhi rấtBác Hồ.
- Bác Hồ rấtcác cháu thiếu nhi.
- Mỗi dịp Tết Trung thu, các cháu thiếu niên và nhi đồng n- ớc ta th- ờng đọc thơ Bác gửi cho các cháu để Bác.

+ Yêu cầu HS đọc bài, nêu yêu cầu

+ HS lên bảng chữa bài.

III. Củng cố: Khái quát- nhận xét giờ.

IV- Dặn dò: Về nhà đặt 3 câu có từ chỉ đặc điểm.

Tiếng Việt

Tiết 3: TẬP LÀM VĂN: KỂ VỀ CÔ GIÁO

A. Mục tiêu: Củng cố cho học sinh cách kể về cô giáo.

HS hiểu và làm đ- ọc bài tập.

B. Bài mới:

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

1. Giới thiệu – ghi bài

2. Dạy bài mới

Đề bài: *Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) kể về cô giáo của em*

- 2 hs đọc đề bài

Hỏi: - Bài yêu cầu gì?

- Cô giáo em tên là gì? dạy em lớp mấy?
- Cô giáo em là ng- ời nh- thế nào?
- Cô thể hiện tình cảm yêu th- ơng, gắn bó với em ra sao? Giúp đỡ em và các bạ trong học tập nh- thế nào?
- Tình cảm của em với cô giáo nh- thế nào? Em làm gì để làm vui lòng cô giáo của em.

Gọi hs nêu miệng – GV nhận xét sửa chữa, bổ sung kiến thức cho các em.

- HS viết bài vào vở.

III. Củng cố: Khi viết đoạn văn cần chú ý gì?

IV. Dặn dò: Về nhà hoàn chỉnh đoạn văn.

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Toán

ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

(Dạy 2 tiết)

A. Mục tiêu: - Củng cố cho học sinh về phép nhân, phép chia.

- HS biết cách chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân và ng- ọc lại.

HS hiểu và làm đ- ọc bài tập.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

b. Kiến thức cần ghi nhớ

- + Nêu cách chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân?
- + Nêu cách chuyển phép nhân thành tổng các số hạng bằng nhau?

b. Bài tập vận dụng

Tiết 1

Bài 1: Viết các tổng sau thành tích rồi tính:

a, $2 + 2 + 2 + 2 + 2$

b, $4 + 4 + 4 + 4$

c, $5 + 5 + 5 + 5 + 5$

Bài 2: Viết các tích d- ưới dạng tổng các số hạng

- HS nêu cách tính.
- 3 HS nêu miệng – GV ghi bảng
- HS nêu cách tính

bằng nhau rồi tính kết quả.

a, 2×6

b, 8×3

c, 7×4

Bài 3: Thay các biểu thức d- ới đây thành tổng của các số hạng bằng nhau rồi tính kết quả.

a, $4 \times 3 + 4$

b, $3 \times 4 + 3$

c, $5 \times 2 + 5$

Bài 4: Viết mỗi biểu thức sau đây thành tích của hai thừa số.

a, $4 \times 3 + 4 \times 2$

b, $3 \times 5 + 3 \times 3$

Tiết 2

Bài 5: Không tính kết quả của mỗi biểu thức hãy điền ($>$ $<$ $=$) thích hợp vào chỗ chấm.

a, $4 \times 3 \dots 4 + 4 + 4 + 4$

b, $2 \times 4 \dots 2 + 2 + 2 + 2$

c, $5 \times 4 \dots 5 + 5 + 5$

Bài 6: Tính

a, $3 \times 4 + 16$

b, $5 \times 6 + 42$

c, $4 \times 8 - 17$

Bài 7: Điền số thích hợp vào ô trống

$30 < 4 \times \square < 35$

Bài 8: Viết thêm 3 số vào mỗi dãy số sau.

a, 3, 6, 9, 12,

b, 5, 9, 13, 17,

a, 5, 10, 15, 20,

- 3 HS nêu miệng – GV ghi bảng

- HS nêu cách tính.

- HS làm bài vào vở.

- (Dành cho HSKG).

- HS lên bảng điền.

- Giải thích vì sao.

- HS làm bài vào vở.

- HS chữa bài.

- HS nêu quy luật của dãy số.

- 3 HS lên bảng điền tiếp. Lớp nhận xét.

III. **Củng cố:** Khái quát nội dung bài

IV- **Dặn dò:** Về nhà làm BT 9: Điền dấu $>$ $<$ $=$ thích hợp vào chỗ chấm

a, $4 \times 5 + 6 \dots 4 \times 6$

b, $5 \times 4 - 6 \dots 5 \times 4$

c, $3 \times 6 + 3 \dots 3 \times 7$

Tiết 3: KIỂM TRA
(Đề và đáp án của tr- ờng)

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Tiếng Việt

Tiết 1: LUYỆN CHÍNH TẢ

A. **Mục tiêu:-** Củng cố cho HS cách viết một bài văn xuôi.

- HS điền BT đúng BT chính tả.
- Rèn chữ viết cho HS.

B. Các hoạt động dạy học

I. **Kiểm tra:** Kết hợp trong giờ.

II. **Bài mới:**

a. Kiến thức cần ghi nhớ

Nêu cách viết một bài văn xuôi? (Tiếng đầu dòng lùi vào một ô, viết hoa. Sau mỗi dấu chấm phải viết hoa...)

GV hướng dẫn HS viết.

II. Bài mới:

Bài 1: Học sinh viết bài: Ngôi tr- ờng mới.

-GV đọc cho HS theo dõi

+ D- ối mái tr- ờng bạn HS cảm thấy có những gì mới?

+ Trong bài ta phải viết hoa những chữ nào? vì sao?

- GV đọc cho HS viết bài. Chú ý nhắc HS viết đúng chữ hoa, đúng CT

Bài 2: Điền vào chỗ trống **ch** hay **tr**

Cây ..úc ..úc mừng ..ở lại che ...ở

Bài 3 : Điền **s** hoặc **x** vào chỗ trống

..âu bộ ..âu kim củ ..ấn ..ấn tay áo
..inh sống ..inh đẹp ..át gạo ..át bên cạnh

III. **Củng cố:** Khái quát, nhận xét bài viết

IV. **Dặn dò:** Về nhà viết bài: Quả măng cụt

Tiếng việt

Tiết 2: LT&C: ÔN TẬP MẪU CÂU: AI LÀM GÌ? AI LÀ GÌ?

A. **Mục tiêu:**

- Củng cố cho HS về kiểu câu kể Ai – làm gì? và Ai – là gì?
- HS phân biệt, đặt câu và hoàn thành một số BT.

B. Các hoạt động dạy học:

I. **Kiểm tra**

II. **Bài mới :**

1. Giới thiệu- ghi bài

2. Dạy bài mới

Bài 1) Nối từ ngữ thích hợp ở cột A với cột B để tạo thành câu Ai – làm gì?

A
a. Các bạn học sinh tiểu học
b. Đêm ấy, quanh đồng lúa bắp bùng, các cụ già
c. Bố

B
Làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà, quét sân.
đang tung tăng tới tr-ờng.
Vừa uống r-ượu vừa trò chuyện vui vẻ.

Bài 2) Đặt câu hỏi cho bộ phận câu đ-ọc in đậm :

- Cô Gió đ-a những hạt kê đến một đám cỏ non xanh.
- Cô bé **ngồi thẩn thờ nhìn qua cửa sổ.**

Bài 3) Gạch một gạch đ-ới bộ phận câu TLCH Ai?(con gì?) hai gạch đ-ới bộ phận TLCH làm gì?

- Trên cành cây, mấy chú chim đang trò chuyện ríu rít.
- Mấy chú cá rô cứ lội quanh quần đ-ới giàn m-óp.
- Hai dì cháu tôi đi hái rau khúc.

Bài 4): Viết tiếp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau:

-là ng-ời mẹ thứ hai của em.
-là thủ đô của n-ớc Pháp.

Bài 5): Đặt câu theo từng mẫu câu sau: Con gì - là gì ? (3 câu)

Bài 6): Đặt câu theo mẫu Ai – là gì ? để cho mọi ng-ời biết :

- Tên cô giáo em
- Quyển sách em yêu thích
- Nghề nghiệp của mẹ em

III. Củng cố: Khái quát chung- Nhận xét giờ

IV. Dặn dò: Về làm bài 5

Tiếng Việt

Tiết 3: TẬP LÀM VĂN: TẢ NGẮN VỀ CON VẬT

A. Mục tiêu:

- Củng cố cho học sinh cách tả ngắn về con vật.
- HS nêu miệng trả lời các câu hỏi và viết đ-ọc đoạn văn vào vở.

B. Bài mới:

I. **Kiểm tra:** Hãy kể tên những con vật nuôi trong gia đình em?

II. **Bài mới:**

1. G iới thiệu – ghi bài.
2. Dạy bài mới

Đề bài Đề bài: **Em hãy viết một đoạn văn 5-6 câu tả một con vật mà em yêu thích**

- 2 hs đọc đề bài.

Hỏi: - Bài yêu cầu gì?

- Đó là con vật nào? Nhà ai nuôi?
- Con vật đó có đặc điểm gì về lông, mắt, hình dáng...?
- Con vật đó có đặc điểm gì nổi bật ?
- Tình cảm của em với con vật đó nh- thế nào? Em làm gì để chăm sóc con vật mà em yêu thích?

Gọi hs nêu miệng – GV nhận xét sửa chữa, bổ sung kiến thức cho các em.

- HS viết bài vào vở.

III. Củng cố: Khi viết đoạn văn cần chú ý gì?

IV. Dẫn dò: Về nhà hoàn chỉnh đoạn văn.

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Toán

ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

(Dạy 3 tiết)

A. Mục tiêu: - Củng cố cho học sinh về phép nhân, phép chia.

- HS biết cách chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân và ngược lại.

HS hiểu và vận dụng phép nhân để làm đ- ọc một số bài tập.

B Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra

II. Bài mới : 1. Giới thiệu- ghi bài.

2. Dạy bài mới.

Tiết 1

Bài 1: HS trả lời miệng

Tính nhẩm

$a/ 2 \times 5 \times 3 = \dots$	$b/ 6 \times 2 : 4 = \dots$	$c/ 10 : 5 + 19 = \dots$
$8 : 2 \times 3 = \dots$	$0 \times 5 : 3 = \dots$	$35 : 5 + 25 = \dots$
$27 : 1 \times 3 = \dots$	$1 \times 4 \times 3 = \dots$	$24 : 4 \times 0 = \dots$

Bài 2: Điền số

a) $\square : 5 = 1$ $8 \times \square = 0$ $5 \times \square = 15$

b) $\square \times 4 = 4$ $30 : \square = \dots$ $\dots : 4 = \square$

- Gọi 3 HS lên bảng

- GV khái quát các tính chất(SBC, SC bằng nhau; nhân với 1; nhân với 0)

Bài 3: Tính theo mẫu

- GV viết phép tính

- Gọi HS KG nêu cách tính.

-HS KG nêu cách tính

- GV ghi bảng – hướng dẫn HS

$$a. 3 \times 5 + 14 = 15 + 14 \\ = 29$$

$$5 \times 7 + 27 =$$

$$5 \times 9 + 25 =$$

$$5 \times 9 - 18 =$$

$$5 \times 6 + 37 =$$

$$6 : 3 \times 5 =$$

$$24 : 3 \times 5 =$$

Tiết 2

Bài 4: Có 30 lít dầu chia đều vào 6 can. Hỏi mỗi can có bao nhiêu lít dầu?

Bài 5: Tìm x biết :

$$a/ x \times 5 = 25$$

$$5 \times x = 40$$

$$x : 5 = 6$$

$$x : 3 = 8$$

Bài 6: Bình lấy một băng giấy cắt làm 6 mảnh. Từ mỗi mảnh này Bình lại cắt thành 2 mảnh nhỏ nữa. Hỏi số mảnh nhỏ cắt ra là bao nhiêu?

- HS theo dõi

- HS làm bài vào vở

- HS đọc bài – phân tích

- HS làm bài vào vở

- HS nêu thành phần ch- a biết trong phép tính, cách tính

- HS làm bài ra nháp theo nhóm

- HS đọc bài – phân tích

- HS bàn luận tìm lời giải.

Tiết 3

1. Hướng dẫn ôn tập kiến thức:

VD

$$6 : 2 = 3$$

Số bị chia

Số chia

Th- ơng

HS ôn các bảng chia từ bảng 2 đến bảng 5.

Tổ chức cho HS kiểm tra chéo việc học thuộc lòng các bảng chia đã học.

2. Luyện tập

Bài 1. Tính nhẩm

$$35 : 5$$

$$28 : 4$$

$$24 : 3$$

$$32 : 4$$

$$18 : 3$$

$$30 : 5$$

$$45 : 5$$

$$36 : 4$$

- GV gọi HS nêu kết quả - GV điền bảng lớp

Bài 2) Tìm y:

$$a. y : 4 = 7$$

$$c. y \times 3 = 24$$

$$b. y : 5 = 9$$

$$d. y \times 5 = 45$$

Bài 3) Lớp 3B có 36 học sinh. Nếu xếp 4 ng- ời vào mỗi bàn thì xếp đ- ợc bao nhiêu bàn?

III. Củng cố: Khái quát chung- Nhận xét giờ

IV. Dặn dò: Về làm BT 7

$$a. 14 + 85 - 4 \times 3 = \dots\dots\dots$$

$$b. 5 \times 5 + 12 : 4 + 124$$

- 4 HS lên bảng, lớp làm ra nháp

- HS nêu cách tính.

- HS đọc bài – phân tích.

- HS làm bài vào vở.

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Tiếng Việt

TIẾT 1: LUYỆN CHÍNH TẢ

A. Mục tiêu: Củng cố cho HS cách viết một bài thơ.

HS điền đúng BT chính tả.

Rèn chữ viết cho HS.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

a. Kiến thức cần ghi nhớ

Nêu cách viết một bài thơ? (Tiếng đầu dòng viết hoa. Sau mỗi dấu chấm phải viết hoa...)

GV hướng dẫn HS viết.

b. Bài tập

Bài 1: Học sinh viết bài: Dậy sớm

- GV đọc cho HS theo dõi:

+ Buổi sớm ở quê bạn có gì đẹp?

+ Trong bài ta phải viết hoa những chữ nào? vì sao?

- GV đọc cho HS viết bài. Chú ý nhắc HS viết đúng chữ hoa, đúng CT

Bài 2: Điền *x* hoặc *s* vào chỗ trống:

..a ..ôi	..an ..ẻ	..a ..út	..ôi ..ục
Phù ..a	đi ..a	xót ..a	đồng ..âu

Bài 3: Điền vào chỗ trống *r, d, gi*:

Tôi lớn lên đã thấy dừa tr- ớc ngõ

..ừa ..u tôi..ắc ngủ tuổi thơ

Cứ mỗi chiều nghe ..ừa ..eo tr- ớc ..ó

Tôi hỏi nội tôi ..ừa có tự bao ..ờ

III. Củng cố: Khái quát chung- Nhận xét bài

IV. Dặn dò: Về nhà luyện viết

Tiếng việt

TIẾT 2: LT&C: ÔN TẬP MẪU CÂU: AI - THẾ NÀO?

A. Mục tiêu:

- Củng cố cho HS về kiểu câu kể *Ai – thế nào*

- HS phân biệt, đặt câu và hoàn thành một số BT.

B. Đồ dùng dạy học

C. Các hoạt động dạy học:

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ

II. Bài mới – 1. Giới thiệu- ghi bài

2. Dạy bài mới

Bài 1: Đặt câu hỏi có cụm từ *nh- thế nào* cho những câu sau:

a/ Gấu đi lạc lè.

b/ S- tử giao việc cho bề tôi rất hợp lí.

c/ Vẹt bắt ch- ớc tiếng ng- ời rất giỏi.

- GV ghi bảng

- Yêu cầu HS trả lời miệng

Bài 2: Gạch d- ới bộ phận trả lời cho câu hỏi *Thế nào?*

- Mùa thu, hoa cúc nở vàng rực cả khu v- ờn.

- Ve nhớn nhơ ca hát suốt mùa hè.

- GV ghi bảng

- Yêu cầu HS lên bảng gạch chân

Bài 3: Đặt câu hỏi cho bộ phận đ- ọc in đậm d- ới đây:

a/ Hoa gạo nở **đỏ rực** trên những cành cây.

- Câu hỏi em đặt:.....

b/ Đàn cò đậu **trắng xóa** trên cánh đồng.

- Câu hỏi em đặt:.....

Bài 4(2đ): Dùng gạch chéo(/) tách các câu sau thành 2

thành phần (Ai/ thế nào ?)

a.Mùa xuân xôn xao, rực rỡ.

b.Mùa hè nắng chói chang.

c.Mùa thu hiền dịu.đ.Mùa đông u buồn, lạnh lẽo.

- Cho HS làm bài vào vở

- Gọi 3 HS lên bảng làm bài

III. **Củng cố:** Khái quát chung – nhận xét giờ

IV. **Dặn dò:** Về nhà ôn bài, giờ sau làm bài kiểm tra

- HS nêu yêu cầu

- HS trả lời miệng

- HS nêu yêu cầu

- 2 HS lên bảng gạch chân

- HS nêu yêu cầu

- HS trả lời miệng

- HS nêu yêu cầu

- HS làm bài vào vở

- 3 HS lên bảng làm bài

Tiếng việt

TIẾT 3: TẢ NGẮN VỀ BỐN MÙA

A. Mục tiêu:

- Củng cố cho học sinh cách tả ngắn về bốn mùa.

- HS nêu miệng trả lời các câu hỏi và viết đ- ọc đoạn văn vào vở.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: bài tập về nhà

II. Bài mới: 1. Giới thiệu – ghi bài

2.Dạy bài mới

Đề bài: Mỗi mùa trong năm có một h- ơng sắc, vẻ đẹp riêng: mùa xuân ấm áp, mùa hè sôi động, mùa thu dịu dàng, mùa đông lạnh lùng. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (4 đến 6 câu) để tả về một mùa mà em thích.

- 2 hs đọc đề bài

Hỏi: - Bài yêu cầu gì?

- Em chọn mùa nào để tả?
 - Vào mùa đó bầu trời có đặc điểm gì ? Thời tiết của mùa đó như thế nào?
 - Cây cối, hoa lá và các con vật trong mùa đó có ra sao?
 - Mọi người và em thường làm gì vào mùa đó?
- Gọi học sinh nêu miệng – GV nhận xét sửa chữa, bổ sung kiến thức cho các em.
- HS viết bài vào vở.

III. Củng cố: Khi viết đoạn văn cần chú ý gì?

IV. Dẫn dò: Về nhà hoàn chỉnh đoạn văn.

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Toán

ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG

(Dạy 3 tiết)

- A. Mục tiêu:** - Củng cố cho học sinh về phép đổi các đơn vị đo đại lượng
- HS biết vận dụng đổi đơn vị đo đại lượng trong giải toán có văn.

B Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra

II. Bài mới : 1. Giới thiệu- ghi bài

2. Dạy bài mới

Tiết 1

Bài 1: Kể tên các đơn vị đo đại lượng đã học

- GV gợi ý để HS trả lời miệng

Bài 2: Nêu mối quan hệ của một số đơn vị đo đại lượng

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$4 \text{ dm} = \dots \text{ cm} \quad 8 \text{ dm } 2 \text{ cm} = \dots \text{ cm}$$

$$20 \text{ cm} = \dots \text{ dm} \quad 78 \text{ cm} = \dots \text{ dm} \dots \text{ cm}$$

- Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 làm bài vào bảng phụ

Tiết 2

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a. $8 \text{ dm} = \dots \text{ cm}$ c. $3 \text{ dm } 7 \text{ cm} = \dots \text{ cm}$

b. $50 \text{ cm} = \dots \text{ dm}$ d. $94 \text{ cm} = \dots \text{ dm} \dots \text{ cm}$

Bài 5: Thùng thứ nhất đựng 436 lít dầu, thùng thứ hai đựng nhiều hơn thùng thứ nhất 47 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai đựng bao nhiêu lít dầu?

- Yêu cầu HS đọc bài, phân tích
- GV hướng dẫn tóm tắt.

- HS trả lời miệng

- HS trả lời miệng

- Viết vào bảng phụ.

- HS thảo luận nhóm 2 làm bài

- 1 HS lên bảng. HS làm bài vào vở.

- 2 HS lên bảng

- HS đọc bài, phân tích
- HS tóm tắt.
- HS làm bài vào vở.

- Yêu cầu HS làm bài vào vở.
- GV cùng HS chữa bài

Bài 6: Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh là:

- 105 cm; 110cm; 113cm; 160cm.
- 65cm; 7dm; 112cm; 2m.

+ Muốn tính chu vi hình tứ giác ta làm thế nào?
(Nhắc HS chú ý đổi ra cùng đơn vị đo)

Tiết 3

Bài 7: Thứ ba tuần này là ngày 18 tháng 4. Hỏi thứ ba tuần sau là ngày nào của tháng 4.

- GV đọc câu hỏi
- Yêu cầu HS trả lời, giải thích cách tính

Bài 8: Mẹ đi làm về lúc 18 giờ, Bố đi làm về lúc 6 giờ 15 phút. Hỏi ai về sớm hơn?

- GV đọc câu hỏi
- Yêu cầu HS trả lời, giải thích cách tính

Bài 9: Bao gạo thứ nhất nặng 52 kg, nặng hơn bao gạo thứ hai 18 kg. Hỏi bao gạo thứ hai nặng bao nhiêu kg?

- Cho HS đọc đề bài, phân tích.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.

Bài 10: Thùng thứ nhất đựng 436 lít dầu, thùng thứ hai đựng ít hơn thùng thứ nhất 47 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai đựng bao nhiêu lít dầu?

- Cho HS đọc đề bài, phân tích.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.
- Gọi đại diện lên bảng.

- HS chữa bài

Thùng thứ hai đựng số lít dầu là:

$$436 - 47 = 389 \text{ (l)}$$

Đáp số: 389 l

- HS đọc bài, phân tích.
- HS làm bài vào vở.
- HS chữa bài.

- HS thảo luận nhóm 2.

- HS trả lời miệng.

(Thứ ba tuần sau là ngày 25 của tháng 4).

- HS thảo luận nhóm 2.

- HS trả lời miệng.

(Mẹ đi làm về lúc 18 giờ tức là 6 giờ chiều, Mẹ đi làm về sớm hơn)

- HS đọc đề bài, phân tích.
- HS làm bài vào vở.

Bao gạo thứ hai nặng số ki-lô-gam là:

$$52 - 18 = 34 \text{ (kg)}$$

Đáp số 34 kg

- HS đọc đề bài, phân tích.
- HS làm bài vào vở.
- Đại diện lên bảng.

Thùng thứ hai đựng số lít dầu là:

$$436 - 47 = 389 \text{ (l)}$$

Đáp số: 389 l

III. Củng cố: Khái quát chung- Nhận xét giờ

IV. Dặn dò: Về làm BT 11: Mai có 1 tá bút chì, Mai có ít hơn Hùng 2 cái. Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu cái bút chì?

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Tiếng Việt

TIẾT 1: LUYỆN CHÍNH TẢ

A. **Mục tiêu:** Củng cố cho HS cách viết một bài văn xuôi.

HS điền đúng BT chính tả.

Rèn chữ viết cho HS.

B. Đồ dùng dạy học

I. **Kiểm tra**

II. **Bài mới:** 1. Giới thiệu – ghi bài

2. Dạy bài mới

Bài 1: Học sinh viết bài: Đàn bê của anh Hồ Giáo

-GV đọc cho HS theo dõi:

+ Nêu những đặc điểm đáng yêu của những con bê?

+ Trong bài ta phải viết hoa những chữ nào? vì sao?

- GV đọc cho HS viết bài. Chú ý nhắc HS viết đúng chữ hoa, đúng CT

Bài 2: Điền *l* hoặc *n* vào chỗ trống:

Không có việc gì khó
Chỉ sợ ..òng không bền
Đào ..úi và ..ấp biển
Quyết chí ắt ..àm ..ên

III. **Củng cố:** Khái quát, nhận xét giờ.

IV. **Dặn dò:** Về nhà luyện viết bài.

Tiếng việt

TIẾT 2: LT&C: ÔN TẬP MẪU CÂU: AI - THẾ NÀO?(TIẾP THEO)

A. **Mục tiêu:**

- Củng cố cho HS về kiểu câu kể Ai – thế nào

- HS phân biệt, đặt câu và hoàn thành một số BT.

B. Đồ dùng dạy học

C. Các hoạt động dạy học:

I. **Kiểm tra:** Kết hợp trong giờ

II. **Bài mới** – 1. Giới thiệu- ghi bài

2. Dạy bài mới

***Bài 1:** Miệng

a- Tìm từ chỉ đặc điểm về hình dáng của 1 ng- ời, 1 vật

b- Về tính tình của 1 ng- ời.

-Nhận xét, bổ sung.

***Bài 2:** Bảng nhóm

Chọn mỗi từ để đặt thành câu (Mỗi phần 3 câu) ở bài 1

- Nêu yêu cầu

- HS nối tiếp nêu từ

+ *To, nhỏ, cao, thấp, tròn, vuông*

+ *Ngoan, h□ dữ, dũng cảm, nhút nhát, khó tính, giả dối, trung thực.*

- Đọc yêu cầu

- HS các nhóm làm bài vào bảng nhóm

-Nhận xét, bổ sung.

***Bài 3: Vở**

- Chọn từ thích hợp rồi đặt câu với từ ấy để tả:

+Mái tóc của mẹ em

+Hình dáng con voi

+Tính tình của bà em

+Đôi tai của chú mèo

- Chữa bài, nhận xét

-Yêu cầu HS đọc câu viết

***Bài 4: Đặt một câu có từ “*sông Hương*” theo mẫu câu
*Ai thế nào?***

- GV cùng HS nhận xét

*** Bài 5:** Đặt một câu theo mẫu : Ai thế nào ?

* Chuyển câu đó thành 2 câu mới có nội dung tỏ ý khen ngợi .

III. Củng cố: Khái quát chung – nhận xét giờ.

IV. Dặn dò: Về nhà ôn bài.

-Trình bày bài

+*Bé Hoà nhà em rất ngoan.*

+*Anh Kim Đồng thật dũng cảm.*

+*Nụ là một cô bé nhút nhát.*

+ *Cái bàn này rất thấp.*

+ *Những cây cau này cao quá.*

+*Bạn Vọng thấp nhất lớp em.*

- Đọc yêu cầu.

- HS làm vở.

- 4 HS chữa bài.

Ví dụ:

Mái tóc của mẹ em đen nhánh.

Con voi này rất to.

Tính tình của mẹ em thật hiền hậu.

Chú mèo có đôi tai rất tinh.

- HS đọc bài viết của mình.

- HS nêu yêu cầu.

- HS trả lời miệng.

- HS nêu yêu cầu.

- HS làm bài vào vở.

- 3 HS lên bảng làm bài.

Tiếng việt

Tiết 3: TẢ NGẮN VỀ BIỂN

A. Mục tiêu:

- Rèn kĩ năng viết trả lời câu hỏi về biển.

B. Đồ dùng dạy- học:

- GV : Tranh minh hoạ cảnh biển.

C. Các hoạt động dạy- học:

I. Ổn định tổ chức:

- Hát

II. Kiểm tra bài cũ:

- 2 HS thực hành.

- Gọi 2 HS thực hành nói lời đồng ý đáp lời đồng ý.

- + Tình huống: HS 1 hỏi m- ợn HS 2 th- ớc kể
- HS 2: Nói lời đồng ý.
- HS 1: Đáp lại lời đồng ý của bạn.
- Nhận xét, cho điểm

III. Bài mới:

- + Giới thiệu bài, ghi tên bài.
- + H- ớng dẫn HS làm bài tập:
- ***Bài 1:** (Miệng) Tả ngắn về biển

- Nhận xét

* **Bài 3:** (Viết)

Dựa vào bài miệng vừa làm hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 5 đến 7 câu nói về biển.

- Yêu cầu: Dựa vào quan sát hoặc nhìn thấy khi đi tham quan, trên ti vi,...

Dựa vào gợi ý SGK Trang 68 để viết thành 1 đoạn văn ngắn nói về cảnh biển.

- Yêu cầu HS làm bài
- Gọi HS đọc bài viết.
- Chấm bài, nhận xét.
- GV đọc bài mẫu cho HS nghe.

- Nêu yêu cầu.
- Nối tiếp HS đọc bài của mình.
- Nhận xét.

VD:

Tranh vẽ cảnh biển buổi sáng. Sóng biển xanh rào rạt vỗ. Những con thuyền giương căng buồm và những dân chài đang cần mẫn làm việc. Những chú hải âu bay lượn trên sóng biển. Mặt trời đang từ từ dâng cao, đỏ ối. Những đám mây hồng hồng bồng bềnh phía chân trời.

- 2 HS đọc yêu cầu.

- Lớp làm vở.
- 1 HS làm bảng phụ.
- Nối tiếp HS đọc bài.
- Nhận xét bài của bạn.

***Bài mẫu:**

Cảnh biển buổi sáng thật đẹp đẽ và nên thơ.

Ánh mặt trời toả chiếu trên biển lấp lánh. Mặt biển giống như một tấm gương khổng lồ. Những con sóng nhỏ nhấp nhô như đang nô đùa trong nắng sớm. Một chiếc thuyền đánh cá đang giương buồm rẽ sóng ra khơi.

Trên cao, từng đàn hải âu chao liệng, có con sà xuống sát mặt sóng. Xa xa, mấy đám

*mây bông lững lờ trôi, tô điểm thêm vẻ thanh
bình cho cảnh biển buổi sớm mai.*

IV. Củng cố:

- Nhận xét giờ học.

V. Dặn dò:

- Nhắc HS tập đáp lại lời đáp khi giao tiếp và tập viết đoạn văn ngắn tả về biển.

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Toán

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

(Dạy 3 tiết)

A. **Mục tiêu:** - Củng cố cho học sinh về hình học, nhận dạng hình và tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác.

- HS biết vận dụng để làm một số bài tập.

B Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: bài tập về nhà.

II. Bài mới : 1. Giới thiệu- ghi bài

2. Dạy bài mới

Kiến thức cần ghi nhớ

- + Nêu những hình em đã đ- ọc học?
- + Hình đó có đặc điểm gì?
- + Nêu công thức tính chu vi hình chữ nhật?
- + Nêu cách tính chu vi hình vuông?
- + Nêu cách tính độ dài đ- ờng gấp khúc?

Bài tập vận dụng

Tiết 1

Bài 1:

- GV ghi bảng.
- Cho HS đọc bài.
- Gọi HS trả lời miệng.
- a. Hình tam giác có.....cạnh
- b. Hình tứ giác có.....cạnh
- c. Hình vuông, hình chữ nhật cũng là hình.

Bài 2: Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh là:

- HS đọc bài.
- Gọi HS trả lời miệng.

- HS làm việc theo nhóm đôi.

c. 105 cm; 110cm; 113cm; 160cm.

d. 65cm; 7dm; 112cm; 2m.

Bài 3. Tính chu vi hình vuông biết độ dài của một cạnh là 50cm.

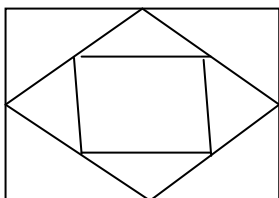
- GV ghi bảng.
- Gọi HS đọc đề bài.
- Cho HS lên bảng, lớp làm ra nháp.

Tiết 2

Bài 4: Một hình chữ nhật có cạnh dài là 9cm và cạnh ngắn là 5cm. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

- GV ghi bảng
- Gọi HS đọc đề bài
- Cho HS thảo luận nhóm 2
- Gọi 1 HS lên bảng

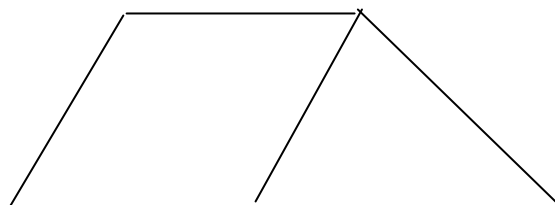
Bài 5: Hãy đếm xem có bao nhiêu tam giác và bao nhiêu hình tứ giác



- GV vẽ hình
- + Yêu cầu HS nêu lại đặc điểm hình tam giác, hình tứ giác?
- + Yêu cầu dựa vào đặc điểm để đếm hình

Bài 6 : Hãy vẽ thêm một đoạn thẳng trong hình vẽ để đ- ợc 3 hình tam giác và 3 hình tứ giác .

- GV yêu cầu HS nêu lại đặc điểm hình tam giác, hình tứ giác



- HS lên bảng, lớp làm ra nháp.

Bài giải

Hình vuông có 4 cạnh dài bằng nhau. Vậy chu vi hình vuông đó là :

$$50 + 50 + 50 + 50 = 200(\text{cm})$$

$$\text{Hoặc: } 50 \times 4 = 200(\text{cm})$$

Đáp số: 200cm

- HS đọc đề bài
- HS thảo luận nhóm 2
- 1 HS lên bảng

Hình chữ nhật có hai cạnh dài bằng nhau và hai cạnh ngắn bằng nhau.

Vậy chu vi hình chữ nhật đó là :

$$9 + 5 + 9 + 5 = 28(\text{cm})$$

Đáp số: 28cm

-HS nêu lại đặc điểm hình tam giác, hình tứ giác

+ Dựa vào đặc điểm để HS đếm hình

- HS trả lời miệng.

Tiết 3

Bài 7: Một hình chữ nhật có cạnh ngắn dài 5cm và cạnh dài gấp 3 lần cạnh ngắn. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

- GV ghi bảng
- Gọi HS đọc đề bài
- Cho HS làm bài vào vở
- Gọi 1 HS lên bảng

Bài 8: Một hình chữ nhật có cạnh dài là 12cm, cạnh ngắn bằng $\frac{1}{3}$ cạnh dài. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

- GV ghi bảng
- Gọi HS đọc đề bài
- Cho HS thảo luận nhóm 4
- Gọi 1 HS lên bảng

Bài 9: Một đường gấp khúc có ba đoạn. Đoạn thứ nhất dài 4cm, đoạn thứ hai dài gấp 3 lần đoạn thứ nhất, đoạn thứ ba dài bằng một nửa đoạn thứ hai. Tính độ dài đường gấp khúc đó.

- Gọi HS đọc đề bài
- Cho HS làm bài vào vở
- Gọi 1 HS lên bảng

III. Củng cố: Khái quát chung- Nhận xét giờ

IV. Dặn dò: Về nhà ôn bài và làm BT10

Tính chu vi hình vuông có cạnh là 8 cm

- HS đọc đề bài
- HS làm bài vào vở
- 1 HS lên bảng

Bài giải

Cạnh dài của hình chữ nhật đó là :

$$5 \times 3 = 15(\text{cm})$$

Vậy chu vi hình chữ nhật đó là :

$$15 + 5 + 15 + 5 = 40(\text{cm})$$

Đáp số: 40cm

- HS đọc đề bài
- HS thảo luận nhóm 3
- 1 HS lên bảng

Bài giải

Cạnh ngắn của hình chữ nhật đó là :

$$12 : 3 = 4(\text{cm})$$

Vậy chu vi hình chữ nhật đó là :

$$12 + 4 + 12 + 4 = 32(\text{cm})$$

Đáp số: 32cm

- HS đọc đề bài
- HS làm bài vào vở.- 1 HS lên bảng

Bài giải

Độ dài đoạn thứ hai của đường gấp khúc là :

$$4 \times 3 = 12(\text{cm})$$

Độ dài đoạn thứ ba của đường gấp khúc là :

$$12 : 2 = 6(\text{cm})$$

Độ dài của đường gấp khúc đó là :

$$4 + 12 + 6 = 22(\text{cm})$$

Đáp số: 22cm

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Tiếng Việt

Tiết 1: LUYỆN CHÍNH TẢ

A. **Mục tiêu:** Củng cố cho HS cách viết một bài văn xuôi.

HS điền đúng BT chính tả.

Rèn chữ viết cho HS

B. Đồ dùng dạy học

I. **Kiểm tra**

II. **Bài mới:** 1. Giới thiệu – ghi bài

2. Dạy bài mới

Bài 1: Học sinh viết bài: Những quả đào

- GV đọc cho HS theo dõi

+ Xuân ăn đào nh- thế nào?

+ Việt ăn đào nh- thế nào?

+ Ông khen Việt thế nào?

+ Trong bài ta phải viết hoa những chữ nào? vì sao?

- GV đọc cho HS viết bài. Chú ý nhắc HS viết đúng chữ hoa, đúng CT

Bài 2: Điền *x* hoặc *s* vào chỗ trống:

..a ..ôi ..an ..ẻ ..a ..út ..ôi ..ục

Phù ..a đi ..a xốt ..a đồng ..âu

III. **Củng cố:** Khái quát, nhận xét giờ

IV. **Dặn dò:** Về nhà luyện viết bài

Tiếng việt

Tiết 2: ÔN TẬP ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI: Ở ĐÂU?

A. **Mục tiêu:**

- Biết đặt và trả lời câu hỏi : ở đâu ?

- Vận dụng làm tốt các bài tập.

B. **Đồ dùng dạy- học:**

- GV bảng nhóm, bút dạ

C. **Các hoạt động dạy học:**

I. **Tổ chức :** Hát, sĩ số

II. **Kiểm tra:**

Kết hợp trong giờ

III. **Bài mới:**

1. Giới thiệu bài

2. H- ớng dẫn làm một số bài tập

Bài 1: Đặt câu hỏi có cụm từ *ở đâu* cho những câu sau:

a/ Giữa cánh đồng, đàn trâu đang thung thăng

- HS nêu yêu cầu

- Làm bài cá nhân vào nháp

- Nối tiếp nhau trình bày bài

gặm cỏ.

b/ Chú mèo m- ớp vẫn nằm lì bên đống tro ấm trong bếp.

c/ Ngoài sân, các bạn đang nô đùa.

- Gv nhận xét chốt câu trả lời đúng

Bài 2: Gạch d- ới bộ phận câu TLCH “ở đâu?”

a. Trên mấy cây cao cạnh nhà, ve đua nhau kêu ra rả.

b. Ngoài suối, tiếng chim cuốc vọng vào đều đều.

c. Sáng tinh mơ, ông em đã cặm cụi làm việc ở ngoài v- ườn.

- GV chấm bài, nhận xét

***Bài 3:** (Nhóm) Đặt câu hỏi có cụm từ ở đâu cho mỗi câu sau:

- Em cất bút ở trong hộp.

- Lớp em học ở dãy ngoài.

- Th- ớc kẻ của em ở trên bàn.

- Nhà ông ngoại em ở xã Khải Xuân.

- Chấm một số bài , nhận xét

IV. Củng cố :

- Trò chơi : Ai giỏi hơn ai:

Chia 2 đội chơi mỗi đội nêu 1 câu và đội kia

đặt câu hỏi có cụm từ ở đâu cho câu đó và

ng- ọc lại, sau 4 l- ợt đội nào thực hiện đúng đủ thì đội đó thắng cuộc.

V. Dặn dò:

- Nhắc HS tập đặt câu hỏi

- HS nêu yêu cầu

- HS làm vào vở

- HS làm phiếu theo nhóm 4

- Các nhóm chữa bài

+ Em cất bút ở đâu?

+ Lớp em học ở đâu?

+ Th- ớc kẻ của em ở đâu?

+ Nhà ông ngoại em ở đâu ?

- 4 HS lên chơi

Tiếng việt

Tiết 3: TẢ NGẮN VỀ CÂY CỐI

A. Mục tiêu:

- Biết tả về cây cối.

- Rèn kĩ năng tả về cây cối.

B. Đồ dùng dạy- học:

- Bảng nhóm, bút dạ

C. Các hoạt động dạy- học:

I. Ổn định tổ chức:

II. Kiểm tra:

- Kết hợp trong giờ

III. Bài mới:

1. Giới thiệu bài, ghi tên bài

2. Ôn tập:

***Bài 1:** Tả về 1 loài cây mà em biết

Gợi ý

a. Cây đó là cây gì?

b. Cây đ- ọc trồng ở đâu?

c. Hình dáng cây có gì đặc biệt? (Về rễ, thân, lá, hoa, quả)

d. Cây đó có ích lợi gì?

- Nhận xét

*** Bài 3:** (Viết)

Dựa vào bài miệng vừa làm hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 5 đến 7 câu nói về cây cối

- Hát

- HS nêu yêu cầu

- Nói tiếp nhau nêu miệng dựa vào gợi ý

- 2 HS đọc yêu cầu

- Lớp làm vở

- 1 HS làm bảng phụ

- Trình bày bài

Bài mẫu:

Trước cửa lớp em có một cây phượng. Thân cây rất lớn hai tay em ôm mới xuể. Cứ đến hè hoa phượng nở từng chùm đỏ thắm trên cây. Bông hoa đỏ rực điểm vài cánh pha màu trắng, nhị hoa màu đỏ, đầu nhị mang một túi phấn vàng. Tán lá phượng xòe rộng như một cái ô lớn che nắng cho chúng em. Dù trưa hè chói chang đến đâu cũng không giọt nắng nào lọt qua đ- ọc tán lá dày đặc của nó. Cây phượng tràn đầy tiếng ve ca hát và đỏ rực màu hoa thắm.

Hết mùa hoa phượng cũng là lúc chấm dứt những ngày hè t- ươi bừng rộn rã, phượng lại đứng im lìm như đang chờ đợi mùa hè sau.

- Chấm , nhận xét

IV. Củng cố:

- Nhận xét giờ.

V. Dặn dò:

- Nhắc HS về nhà tập đáp lời chia vui, lời đồng ý.

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Toán

LUYỆN TẬP CHUNG

(Dạy 3 tiết)

A. Mục tiêu:

- Hệ thống một số kiến thức các em đã ôn tập, đã học trong chương trình lớp 2
- HS đọc làm bài tập theo hệ thống đề.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: bài tập về nhà

II. Bài mới: 1. Giới thiệu – ghi bài

2. Dạy bài mới

Nội dung: Yêu cầu HS làm một số BT

Gọi HS lên bảng chữa bài

GV chấm chữa bài cho HS

Tiết 1

Bài 1:Viết số gồm:

a.4 chục 5 đơn vị:.....

b.5chục và 4 đơn vị:.....

c.3 chục và 27 đơn vị:.....

Bài 2:Chỉ ra số chục và số đơn vị trong mỗi số

sau:45,37,20,66

Bài 3:Em hãy viết tất cả các số có hai chữ số mà tổng hai chữ số của nó:

a.Bảng5:...

- HS đọc bài

- HS thảo luận, viết số

- 3 HS lên bảng

HS đọc bài

- HS trả lời miệng

- HS lên bảng

- Lớp thảo luận theo nhóm sau đó làm vào vở

b. Bảng 18

c. Bảng 1

Bài 4: Tìm x:

a. $x - 192 = 301$

b. $700 - x = 404$

c. $x + 215 = 315$

Tiết 2

Bài 5: Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$\dots + 35 = 71$ $40 + \dots = 91$ $67 = \dots + 0$

$45 - \dots = 18$ $100 - \dots = 39$ $\dots - 27 = 72$

Bài 6: Tính nhanh:

a. $11 + 28 + 24 + 16 + 12 + 9$

b. $75 - 13 - 17 + 25$

c. $5 \times 8 + 5 \times 2$

Bài 7: Một bến xe có 25 ô tô rời bến, nh- vậy còn lại 12 ô tô ch- a rời bến. Hỏi lúc đầu có bao nhiêu ô tô trên bến xe đó

Tiết 3

Bài 8: Từ 3 chữ số: 4, 6, 8 em hãy viết tất cả các số có 2 chữ số có thể đ- ọc. Có bao nhiêu số nh- vậy

Bài 9: Tìm số có 2 chữ số, biết rằng khi thêm 2 đơn vị vào số đó ta đ- ọc số nhỏ hơn 13

Bài 10: Tính

a. $5 \times 8 - 11$ b. $3 \times 6 : 3$ c. $40 : 4 : 5$

d. $2 \times 2 \times 7$ e. $4 \times 6 + 16$ g. $20 : 4 \times 6$

Bài 11: Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh là:

a. 115 cm; 100 cm; 123 cm; 150 cm.

b. 55 cm; 6 dm; 102 cm; 2 m.

- 3 HS lên bảng

- HS nêu cách tìm thành phần ch- a biết trong phép tính

- 3 HS lên bảng

- HS nêu cách tìm thành phần ch- a biết trong phép tính

- 3 HSKG lên bảng, sau đó nêu cách làm

- HS đọc, phân tích

- Lớp làm vào vở

- HS đọc bài

- HS thảo luận, nêu cách tìm

HS đọc bài

- HS trả lời miệng, nêu cách tìm

- HS lên bảng

- Lớp làm vào vở

- HS đọc, phân tích

- Lớp làm vào vở

- 2 HS lên bảng

III. **Củng cố:** Khái quát chung – nhận xét giờ

IV. **Dặn dò:** Về nhà ôn bài. Làm bài 12: Cứ 4 cái bánh đóng đ- ọc một hộp bánh. Hỏi cần có bao nhiêu cái bánh n- ớng để đóng đ- ọc 8 hộp bánh nh- thế?

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Tiếng việt

Tiết 1: LT&C: ÔN DẤU CHẤM, DẤU PHẨY

A. Mục tiêu:

- Củng cố cho HS về dấu chấm, dấu phẩy.
- HS phân biệt, đặt câu và hoàn thành một số BT.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: bài tập về nhà

II. Bài mới: 1. Giới thiệu – ghi bài

2. Dạy bài mới

Kiến thức cần ghi nhớ

GV hệ thống một số kiến thức đã ôn tập.

Ng- ời ta dùng dấu phẩy khi nào?

Ng- ời ta dùng dấu chấm khi nào?

Bài tập vận dụng

Bài 1 Điền dấu phẩy vào mỗi chỗ thích hợp cho mỗi câu sau :

- Hoa hồng hoa lan hoa huệ đều rất đẹp và rất thơm.
- Buổi sáng, bố mẹ đi làm em đi học.
- Chúng em luôn ngoan ngoãn vâng lời ông bà cha mẹ.
- Vân thật xứng đáng là con ngoan trò giỏi.

- GV ghi bảng.

- HS lên bảng.

Bài 2: Câu sau đây còn thiếu mấy dấu phẩy? Hãy điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong câu:

Đi giữa Hạ Long vào mùa s- ong, ta cảm thấy những hòn đảo vừa xa lạ vừa quen thuộc mờ mờ ảo

- GV ghi bảng.

- HS trả lời miệng, 2HS lên bảng chữa bài.

Bài 3: Ngắt đoạn sau thành 3 câu và viết lại cho đúng chính tả.

Linh và Vân là đôi bạn thân nhau từ lúc bé hai bạn sống cùng trong một khu tập thể hàng ngày hai bạn cùng nhau học tập và vui chơi.

. - GV ghi bảng

- HS làm bài vào vở, 1HS lên bảng chữa bài.

- GV chấm bài

III. Củng cố: GV nhận xét cả đợt học tập của HS

Thông báo điểm kiểm tra.

IV. Dặn dò: Về nhà ôn tập

Tiếng việt

Tiết 2: TẢ NGẮN VỀ BÁC HỒ

A. Mục tiêu:

- Biết tả về Bác trình bày thành đoạn văn với lời tả rõ ràng.
- Giáo dục HS lòng kính yêu và biết ơn Bác Hồ.

B. Đồ dùng dạy- học:

- Bảng phụ ghi các câu hỏi gợi ý

C. Các hoạt động dạy- học:

I. Ổn định tổ chức:

- Hát

II. Kiểm tra bài cũ

- Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

III. Bài ôn:

1. Giới thiệu bài
2. H- ớng dẫn làm bài

Tả Bác Hồ

- Đ- a bảng phụ ghi câu hỏi gợi ý
 - ảnh Bác Hồ treo ở đâu ?
 - Trông Bác nh- thế nào ?
 - Em muốn hứa với bác điều gì ?
- + Yêu cầu : Dựa vào các câu trả lời trên để viết thành đoạn văn (khoảng 5 câu)
- Chấm bài , nhận xét

- HS đọc câu hỏi
- Một số HS trả lời miệng .

- HS nghe và làm vào vở
- Một số HS đọc bài viết

IV. Củng cố:

- Nêu nội dung bài học.

V. Dặn dò:

- Về nhà ôn bài

Tiếng việt:

Tiết 3: KIỂM TRA

(Đề và đáp án của tr- ờng)

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Toán

LUYỆN TẬP CHUNG

(Dạy 2 tiết)

A. Mục tiêu:

- Hệ thống một số kiến thức các em đã ôn tập, đã học trong ch- ơng trình lớp 2
- HS đ- ọc làm bài tập theo hệ thống đề.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: bài tập về nhà

- II. Bài mới:** 1. Giới thiệu – ghi bài
2. Dạy bài mới

Kiến thức cần ghi nhớ

GV hệ thống một số kiến thức đã ôn tập.

Bài tập vận dụng

Yêu cầu HS làm một số BT

Gọi HS lên bảng chữa bài

GV chấm chữa bài cho HS

Bài 1: Tìm một số biết rằng số đó trừ đi 1 rồi trừ tiếp đi 3 thì đ-ợc kết quả là 5

- Cho HS đọc bài
- Gọi HS trả lời miệng, nêu cách tìm

- HS đọc bài
- HS trả lời miệng, nêu cách tìm

Bài 2: Tính nhanh:

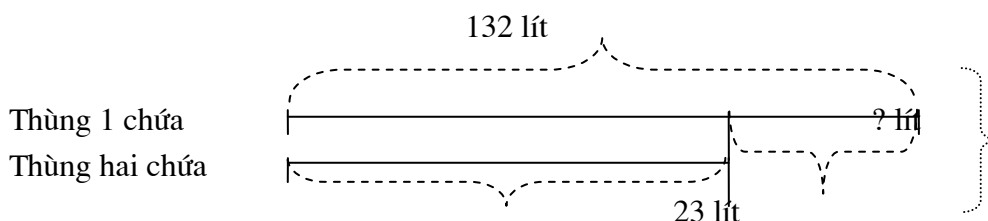
a. $10 - 9 + 8 - 7 + 6 - 5 + 4 - 3 + 2 - 1$

b. $11 + 13 + 15 + 17 + 19 + 20 + 18 + 16 + 14 + 12 + 10$

- Gọi HS lên bảng
- Cho lớp làm vào vở

- HS lên bảng
- Lớp làm vào vở

Bài 3: giải bài toán theo tóm tắt sau :



- GV vẽ hình
- Yêu cầu HS nêu đề bài dựa vào tóm tắt.
- Cho HS làm bài vào vở

Tiết 2

Bài 4 : đặt tính rồi tính :

25×5

36×6

53×7

15×6

$46 : 3$

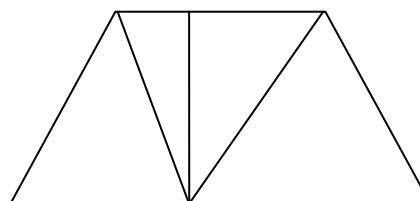
$95 : 3$

$37 : 6$

$84 : 4$

- Yêu cầu HS làm bảng con từng phép tính.

Bài 5: Hình d-ới đây cóhình tam giác và có.....hình tứ giác



- HS trả lời miệng

Bài 5: Lớp 2 A có 11 bạn ghi tên học thêm về âm nhạc và 9 bạn ghi tên học thêm về mỹ thuật, nh-ng cả lớp chỉ có

16 bạn ghi tên học thêm về âm nhạc và về mỹ thuật. Em hãy giải thích tại sao nh- vậy.

- Cho HS thảo luận trả lời miệng.
- Yêu cầu ghi kết quả vào vở

- HS thảo luận trả lời miệng.
- Ghi kết quả vào vở

III. Củng cố: GV nhận xét cả đợt học tập của HS

Thông báo điểm kiểm tra.

IV. Dặn dò: Về nhà ôn tập

Toán

KIỂM TRA ĐỀ CỦA TR- ỜNG

I. **Mục tiêu:** Củng cố cho học sinh về từ trái nghĩa.

HS hiểu và làm đ- ọc bài tập.

II. **Bài mới:**

Bài 1: Hãy giải nghĩa các từ d- ối đây bằng từ trái nghĩa với nó

- | | |
|----------------------|--------------------|
| a/ Cao:..... | d/ Đầu tiên:..... |
| b/ Dài:..... | e/ Biến mất:..... |
| c/ Ng- ời lớn: | g/ Bình tĩnh:..... |

Bài 2: Đặt câu với từ *công nhân, nông dân, bác sĩ, giáo viên*.

Bài 3: Sắp xếp các từ đã cho thành từng cặp có nghĩa trái ng- ợc nhau

a/ đẹp, ngắn, nóng , thấp, lạnh, xấu, cao, dài.

b/lên, yêu, xuống, ghét, khen, ra, chê, vào

TIẾNG VIỆT

Bài 1: Điền cặp từ trái nghĩa vào mỗi dòng sau để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ:

- Đi ... về ...
- Thức.... dậy ...
- Gần mực thì..., gần đèn thì...

Bài 2: Tìm những từ chỉ phẩm chất tốt đẹp của nhân dân ta theo yêu cầu sau:

- Chỉ những phẩm chất tốt trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm:...
- Chỉ những phẩm chất tốt trong lao động xây dựng đất n- ớc:...

Bài 3: Dùng cụm từ nào để đặt câu hỏi cho mỗi bộ phận câu đ- ọc gạch d- ối trong từng câu sau.

Viết câu hỏi ở d- ối mỗi câu:

-Ngay thêm lắng, m- ời tám cây vạn tuế t- ợng tr- ng cho một hàng quân danh dự đứng trang nghiêm.

.....
-Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đ- ờng trăng lung linh dát vàng.

.....
- Mỗi mùa hè tới, hoa ph- ợng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ.

Thứ sáu ngày 16 tháng 7 năm 2010

Toán

MỘT SỐ BÀI TOÁN CÓ LỜI VĂN VỀ Ý NGHĨA PHÉP TÍNH

Bài 1: Tr- ờng Hữu Nghị có 487 học sinh nữ và 412 học sinh nam. Hỏi:

a/Tr- ờng Hữu Nghị có tất cả bao nhiêu học sinh?

b/Số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là bao nhiêu em?

Bài 2: Một đàn vịt có 100 con ở d- ới ao và 100 con ở trên bờ. Bây giờ có 10 con vịt ở d- ới ao lên bờ phơi nắng. Hỏi bây giờ:

a/D- ới ao còn lại bao nhiêu con vịt?

b/Trên bờ có bao nhiêu con vịt?

c/Số vịt ở trên bờ và số vịt ở d- ới ao hơn kém nhau bao nhiêu con?

Bài 3: Một bến xe có 37 ô tô rời bến, nh- vậy còn lại 12 ô tô ch- a rời bến. Hỏi lúc đầu có bao nhiêu ô tô trên bến xe đó ?

Bài 4: Một cửa hàng có 356 kg đ- ờng . Sau một ngày bán hàng cửa hàng còn lại 210 kg đ- ờng. Hỏi ngày đó cửa hàng đã bán đ- ợc bao nhiêu ki- lô - gam đ- ờng?

Bài 5: Một ô tô chở khách dừng tại bến đỗ. Có 5 ng- ời xuống xe và 3 ng- ời lên xe. Xe tiếp tục chạy, lúc này trên xe có tất cả 40 hành khách. Hỏi tr- ớc khi dừng lại bến đỗ đó, trên xe có bao nhiêu hành khách?

Bài 6: Gói kẹo chanh và gói kẹo dừa có tất cả 235 cái kẹo. Riêng gói kẹo chanh có 120 cái . Hỏi :

a/Gói kẹo dừa có bao nhiêu cái kẹo?

b/ Phải bớt ở gói kẹo chanh đi bao nhiêu cái kẹo để số kẹo ở hai gói bằng nhau?

Bài 7: Cứ 4 cái bánh n- ớng đóng đ- ợc một hộp bánh. Hỏi cần có bao nhiêu cái bánh n- ớng để đóng đ- ợc 8 hộp bánh nh- thế?

TIẾNG VIỆT

Bài 1: Em hãy dùng cụm từ: **bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ** để thay thế cho cho cụm từ **khi nào** d- ới đây:

a/ Khi nào lớp bạn đi thăm bà mẹ Việt nam anh hùng?

b/Khi nào bạn về thăm ông bà?

c/ Bạn vẽ bức tranh này khi nào?

d/ Khi nào chúng mình đi thăm cô giáo?

Bài 2: Em hãy chọn chữ trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống :

a/- (sông, xông)	-Hong	-.....Xáo
-(sa, xa)	-..... sút	-đ- ờng
-(s- ơng, x- ơng)	-cây.....rồng	-.....sớm

TIẾNG VIỆT

Bài 1: Dùng cụm từ *vì sao* để đặt câu hỏi cho mỗi bộ phận câu gạch d- ới trong mỗi câu sau. Viết câu hỏi xuống d- ới:

-Nhờ làm lung chuyên cần, vợ chồng ng- ời nông dân đã gây dựng đ- ợc một cơ ngơi đàng hoàng.

.....
-Mất môi, con cá dữ tức tối bỏ đi.

.....
Bài 2: Chọn dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than để điền vào từng ô trống trong đoạn văn sau cho phù hợp:

- Con mơ gì thế ☐ể cho mẹ nghe đi ☐
- Con mơ con gặp hổ dữ trong rừng, con sợ quá hét lên: “ Mẹ ơi” Thế rồi ☐n tỉnh dậy.
_ Con đừng sợ. Mẹ luôn ở bên cạnh con những lúc nguy hiểm.

TIẾNG VIỆT

Bài 1: Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau để điền vào từng chỗ trống cho phù hợp:

trẻ con- ...	tỉnh - ...
xuất hiện ...	hiền lành - ...
rụt rè -	bình tĩnh - ...

Bài 2: Đặt câu với các từ sau: anh hùng, thông minh, gan dạ, cần cù, đoàn kết, anh dũng

Thứ sáu ngày 23 tháng 7 năm 2010

Toán

Ôn tập

Tiếng Việt

Thứ hai ngày 26 tháng 7 năm 2010

Toán
Ôn tập

Bài 1: Điền dấu phép tính (+ , -) thích hợp vào ô trống

a) 15 15 6 = 36

b) 18 4 2 = 12

Bài 2: Điền dấu >,< , = thích hợp vào chỗ trống

a) $24 + 32 \dots 17 + 42$

b) $58 - 25 \dots 66 - 35$

c) $42 + 13 \dots 89 - 34$

Bài 3 : Không tìm hiệu , hãy điền dấu (>,< , =) thích hợp vào chỗ chấm

a) $68 - 34 \dots 58 - 34$

b) $67 - 34 \dots 67 - 43$

c) $84 + 26 \dots 88 + 26$

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8 dm = ...cm

c) 3dm 7 cm = ...cm

b) 50 cm = ...dm

d) 94 cm = ..dm ..cm

Bài 5: Tìm y

a) $3 \times y = 24 : 3$

c) $y : 4 = 10 : 2$

b) $Y \times 4 = 2 \times 6$

d) $y : 3 = 2 \times 3$

Bài 6: Viết các số gồm:

a) 6 trăm, 5 chục và 7 đơn vị

b) 8 trăm và 6 chục

c) 5 trăm và 7 đơn vị

Bài 1: Tìm các tiếng:

a/ Bắt đầu bằng **gi** hoặc **d**, có nghĩa nh- sau:

- Chỉ vật để cho ng- ời nằm:.....
- Chỉ sợi dùng để buộc:.....
- Trái với hay:.....
- Tờ mỏng , dùng để viết chữ lên:.....

b/ Có vần - **t** hoặc - **c**:

- chỉ chỗ rất sâu mà th- ờng đứng trên núi cao nhìn xuống ta thấy:.....
- Chỉ động tác bỏ đi các thứ ta không cần nữa (đồng nghĩa với quăng đi):.....

Bài 4: Gạch d- ới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Vì sao?**

a/ Những cây hoa héo tàn vì không đ- ợc t- ới n- ớc.

b/ Vì nắng to, cánh đồng nứt nẻ.

c/ Vì ham chơi, Hà bị điểm kém.

d/ Thở thua rùa vì quá chủ quan.

Thứ t- ngày 28 tháng 7 năm 2010

Toán

Ôn tập

Bài 1: Điền dấu phép tính (+ , -) thích hợp vào ô trống:

a) $43 \square 13 \square 12 = 42$

b) $67 \square 13 \square 2 > 91$

Bài 2: Tính:

a. $54 + 32 - 17 =$

b. $8 \times 5 - 16 =$

c. $32 : 4 + 19 =$

Bài 3 : Đặt tính rồi tính:

$875 - 251$

$743 - 568$

$537 - 389$

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$4 \text{ dm} = \dots \text{ cm}$

$8 \text{ dm } 2 \text{ cm} = \dots \text{ cm}$

$20 \text{ cm} = \dots \text{ dm}$

$78 \text{ cm} = \dots \text{ dm } \dots \text{ cm}$

Bài 5: Tìm y

$5 \times y = 35 + 10$

$y : 5 = 18 : 2$

$y \times 3 = 4 \times 6$

$y : 4 = 3 \times 8$

Bài 6: Viết theo mẫu

$512 = 500 + 10 + 2$

$497 =$

$861 =$

$674 =$

Tiếng Việt

Bài 2: Điền x hoặc s vào chỗ trống:

.. a .. ôi

.. an .. ẻ

.. a .. út

.. ôi .. ục

Phù .. a

đi .. a

xót .. a

đồng .. âu

Bài 1: Đặt câu hỏi có cụm từ **khi nào** cho những câu sau:

- a) Em th- ờng về thăm ông bà nội vào kì nghỉ hè.
- b) Vào những đêm có trăng bọn trẻ vui đùa thỏa thích.
- c) Chủ nhật tới, bố mẹ sẽ đ- a em về thăm ông bà ngoại.
- d) Tối thứ bảy , em đi xem phim cùng chị.

Bài 2: Gạch d- ới những từ ngữ nói lên phẩm chất của nhân dân Việt Nam ta:

- anh hùng, cao lớn, thông minh, gan dạ, rực rỡ, cần cù, đoàn kết , vui mừng, anh dũng.

Bài 3: Chọn một từ chỉ phẩm chất em vừa tìm đ- ọc ở bài tập 2 và đặt câu với từ đó.

- Từ em chọn:.....

- Đặt câu:.....

Thứ sáu ngày 30 tháng 7 năm 2010

Toán

Ôn tập

Bài 1: Số

600; 599;...;...;...; 595 ; ...; ...; ...

730; 731; ...;...;...;...;...;...;...;...

Bài 2: Đọc các số sau:

- a) 815
- b) 905
- c) 873
- d) 505

Bài 3: Điền dấu > ; < = thích hợp vào chỗ chấm

606 ...660 700 + 9 ...709

865 ...856 440 – 40 ...399

899 ..999 800 + 80 + 8 ...889

Bài 4: Khoanh vào số lớn nhất

857; 875; 578; 587; 758; 785

Bài 5: Tính nhẩm

- | | | |
|---------------|--------------|------------------|
| a) 300+ 400 = | b)800 + 50 = | c)900 + 60 + 7 = |
| 700 – 400= | 850 – 50 = | 900 + 60= |
| 700 – 300 = | 850 – 800 = | 900 + 7 |

Bài 6 : Với ba số 652, 600, 52 và các dấu + ; - ; = ,em hãy viết các phép tính đúng

Bài 7: Tìm x:

- a)x- 422 = 415
- b) 204 + x = 376

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Tiếng Việt Toán

Ôn tập

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$615 + 208$

$326 + 80$

$417 + 263$

$156 + 472$

Bài 2: Đặt tính rồi tính

$675 - 241$

$550 - 202$

$138 - 45$

$78 - 139$

Bài 3: Khối lớp Hai có 325 học sinh, khối lớp Ba có ít hơn khối lớp Hai 40 học sinh. Hỏi khối lớp Ba có bao nhiêu học sinh.

Bài 4: Tính

$5 \times 9 + 258$

$4 \times 8 - 19 =$

$5 \times 7 + 982$

Bài 5: Tính nhẩm

$600 : 2 =$

$800 : 4 =$

$400 : 2 =$

$600 : 3 =$

$800 : 2 =$

$700 : 7 =$

Bài 6: Với các số 2, 4 và 8 và dấu $\times$; $:$, $=$, em hãy viết các phép tính đúng

Bài 7: Đội một trồng được 345 cây, đội hai trồng được nhiều hơn đội Một 83 cây. Hỏi:

a) Đội hai trồng được bao nhiêu cây?

b) Hai đội trồng được bao nhiêu cây?

Bài 8: Tìm x

$a) x \times 5 = 50 - 15$

$b) x : 4 = 38 - 33$

$c) x - 356 = 474 + 562$

Bài 1: Dùng cụm từ **để làm gì** để đặt câu hỏi về mục đích của các công việc sau. Viết câu hỏi vào vở:

a) các bạn học sinh trồng cây ở sân trường.

b) Các bạn học sinh quét lá rụng ở sân trường.

c) Cô giáo dẫn học sinh ra vườn trường học về các loài cây.

Mẫu: Các bạn học sinh trồng cây để làm gì?

Bài 2: Kể tên các bộ phận của một cây ăn quả:

- gốc,

Bài 3: Tìm những từ có thể dùng để tả từng bộ phận của cây;

a) Rễ: dài,

b) Gốc: Phình to,

c) Thân: cao, to, ...

d) Cành: nhiều nhánh, ...

e) Lá: thon dài, ...

f) Hoa: vàng tươi, ...

g) Ngọn: chót vót, ...

Tập làm văn

Kể về gia đình

Đề bài: **Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) kể về gia đình thân yêu của em.**

- 2 hs đọc đề bài

Hỏi: - Bài yêu cầu gì?

- Gia đình em có mấy ng- ời, đó là những ai?
- Từng ng- ời trong gia đình em hiện đang làm gì, ở đâu?
- Những ng- ời thân trong gia đình thể hiện tình cảm yêu th- ơng, gắn bó với em ra sao?
- Tình cảm của em với mọi ng- ời nh- thế nào? Em làm gì để làm vui lòng mọi ng- ời thân yêu của em.

Gọi hs nêu miệng – GV nhận xét sửa chữa, bổ sung kiến thức cho các em.

- HS viết bài vào vở.

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Toán

Thừa số - tích ; tìm thừa số ch- a biết

1, Ôn tập ý nghĩa của phép nhân:

Phép nhân là phép cộng các số hạng bằng nhau.

VD: $3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 5$

3×5 đọc là 3 đ- ọc lấy 5 lần hay 3 nhân với 5

$3 \times 5 = 15$; 3 và 5 là thừa số còn 15 là tích.

Bài 1) Viết tích thành tổng rồi tính (theo mẫu)

M : $25 \times 4 = 25 + 25 + 25 + 25 = 100$

a. $16 \times 3 =$

b. $24 \times 2 =$

Bài 2) Tìm x

a. $X \times 5 = 35$

b. $4 \times X = 32$

Bài 3) Một đàn lợn có 10 con. Hỏi cả đàn có bao nhiêu cái chân?

Bài 4) Một phòng họp có 8 dãy ghế, mỗi dãy ghế có 5 ng- ời ngồi . Hỏi trong phòng họp đó có bao nhiêu ng- ời dự họp?

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Toán

Một phần hai, một phần ba, một phần bốn

Ôn tập khái niệm về một phần mấy của một số

Yêu cầu HS lấy ví dụ về $\frac{1}{2}$:

*HS 1: - Mẹ mua một cái bánh mẹ chia cái bánh thành 2 phần bằng nhau; mẹ cho hai anh em mỗi ng- ời một nửa. Nh- vậy mỗi ng- ời đ- ọc $\frac{1}{2}$ cái bánh.

* HS 2 : - Nam có 8 viên bi, Nam chia số bi thành 2 phần bằng nhau Nam cho em một phần;

Nh- vậy Nam đã cho em $\frac{1}{2}$ số bi.

GV: Vậy Nam cho em mấy viên bi? ($8 : 2 = 4$ viên bi)

$\Rightarrow \frac{1}{2}$ của 8 là mấy? (là 4)

T- ơng tự cho các em ôn tập k/n $\frac{1}{4}$; $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{5}$ của một số.

• **Luyện tập**

Bài 1) Đọc số theo mẫu:

M: $\frac{1}{4}$ đọc là : Một phần bốn.

$\frac{1}{3}$ đọc là

$\frac{1}{5}$ đọc là

$\frac{1}{6}$ đọc là

Bài 2) Khoanh vào chữ cái đặt tr- ớc câu trả lời đúng

Câu 1. $\frac{1}{3}$ của 9 m là:

A. 2m

B. 3m

C. 4m

Câu 2. $\frac{1}{4}$ của 8 cái kẹo là :

A. 1 cái kẹo

B. 2 cái kẹo

C. 3 cái kẹo

Bài 3) Tập viết các số $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{4}$, $\frac{1}{6}$, $\frac{1}{2}$ mỗi số 3 dòng.

Luyện từ & câu

Ôn cách đặt & TLCH “ khi nào?” – dấu chấm

Bài 1. Gạch d- ới bộ phận câu TLCH “ Khi nào?” ’

a. Ban sáng, lộc cây vừa mới nhú. Lá non còn cuộn tròn trong búp, chỉ hơi hé nở. Đến tr- a, lá đã xòe tung. Sáng hôm sau, lá đã xanh đậm lẫn vào màu xanh bình th- ờng của các loài cây khác.

b. Ng- ời Tày, ng- ời Nùng th- ờng múa s- ử vào các dịp lễ hội mừng xuân.

c. Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập vào ngày mừng 2 tháng 9 năm 1945.

Bài 2. Trả lời câu hỏi Khi nào? Lúc nào? Bao giờ? Và viết thành câu.

a. Em đ- ọc mẹ đ- a đi chơi khi nào?

b. Lúc nào cả nhà em quây quần quanh mâm cơm?

c. Bao giờ tr- ờng em tổ chức lễ khai giảng năm học mới?

Bài 3: Em hãy dùng cụm từ: **bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ** để thay thế cho cho cụm từ **khi nào** d- ới đây:

a/ Khi nào lớp bạn đi thăm bà mẹ Việt nam anh hùng?

b/Khi nào bạn về thăm ông bà?

c/ Bạn vẽ bức tranh này khi nào?

d/ Khi nào chúng mình đi thăm cô giáo?

Bài 4.Viết 2 – 3 câu văn trong đó có bộ phận câu trả lời câu hỏi “ Khi nào?”

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

Toán

Tìm số bị chia

1.H- ớng dẫn ôn tập:

- Muốn tìm số bị chia ch- a biết ta làm thế nào?

(Muốn tìm số bị chia ch- a biết ta lấy th- ơng nhân với số chia)

- Gọi nhiều HS nhắc lại.

2.Luyện tập

Bài 1. Tìm x biết:

$$x : 3 = 7$$

$$x : 4 = 9$$

$$x : 5 = 8$$

$$x : 4 = 5$$

Bài 2. Có một số vở chia đều cho 4 em, mỗi em đ- ọc 7 quyển vở. Hỏi có tất cả bao nhiêu quyển vở?

Bài 3.Tính

$$4 \times 6 - 17$$

$$6 \times 5 : 10$$

$$24 : 4 + 17$$

$$9 : 3 \times 10$$

HS làm từng bài – chữa bài - GV nhận xét.

Luyện từ và câu

Thứ hai ngày ... tháng ... năm ...

TOÁN

Luyện tập

1, Tính nhẩm

3×4	2×6	5×4	4×5
3×6	2×4	5×2	4×2
3×8	2×5	5×7	4×3
3×5	2×9	5×8	4×7

2, Tính

$5 \times 4 + 124$	$36 : 4 + 201$	$10 \times 3 - 17$
$4 \times 5 - 12$	$60 : 2 - 14$	$5 \times 7 + 107$

3, Một đ-ờng gấp khúc gồm 4 đoạn thẳng, mỗi đoạn dài 5cm. Tính độ dài đ-ờng gấp khúc đó.

4, Tô màu vào $\frac{1}{3}$ số ô vuông trong mỗi hình sau:

HS làm từng bài – chữa bài - GV nhận xét.

Tập làm văn

Kể về một việc tốt em đã làm

Đề bài: *Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) kể lại một việc tốt em đã làm để giúp đỡ gia đình.*

- 2 hs đọc đề bài

Hỏi: - Bài yêu cầu gì?

- Em đã làm đ-ợc những việc gì giúp mẹ ?
- Hãy kể lại việc em đã làm đó theo gợi ý:
 - + Em làm việc đó khi nào? Làm cùng với ai?
 - + Em làm ra sao?
 - + Em có cảm nghĩ gì khi làm việc đó?
 - + Mẹ nhận xét gì về việc làm của em?
- 1 HS tập làm miệng. GV nhận xét bổ sung, sửa chữa cách dùng từ đặt câu cho các em.
- HS làm việc theo nhóm đôi; lần l-ợt từng em kể cho bạn nghe rồi đổi lại.